

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 96/TC-TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 1995

THÔNG TƯ

Của Bộ Tài chính số 96 TC/TCT ngày 30 tháng 12 năm 1995 Hướng dẫn thu thuế đối với các trường hợp chuyển nhượng vốn của các chủ đầu tư trong các doanh nghiệp được thành lập theo Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, và các chủ đầu tư trong các ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và các bên hợp doanh trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ vào Luật thuế lợi tức được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 30/6/1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế lợi tức ngày 06/7/1993;

Căn cứ vào Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/12/1987; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 30/6/1990; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 23/12/1992;

Căn cứ vào Luật Khuyến khích đầu tư trong nước được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 22/6/1994;

Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế lợi tức và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế lợi tức;

Căn cứ vào Nghị định số 18/CP ngày 16/4/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ vào Nghị định số 29/CP ngày 12/5/1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu thuế đối với các trường hợp chuyển nhượng vốn

của các chủ đầu tư trong các doanh nghiệp thành lập theo Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam, Luật khuyến khích đầu tư trong nước và các chủ đầu tư trong các ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt nam và các bên hợp doanh trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1- Các chủ đầu tư trong các doanh nghiệp thành lập theo Luật Công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật khuyến khích đầu tư trong nước và các chủ đầu tư trong các ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và các bên hợp doanh trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam khi hoặc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn cho một bên hoặc các bên liên doanh hoặc hợp doanh khác, hoặc cho người thứ ba, bao gồm cả việc chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn của chủ đầu tư này cho chủ đầu tư khác, việc chuyển nhượng vốn góp hoặc quyền tham gia góp vốn giữa các công ty trong một tập đoàn công ty hay một công ty đa quốc gia, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, là đối tượng nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2- Các loại thuế áp dụng:

2a. Thuế lợi tức: Lợi tức từ việc chuyển nhượng vốn trên đây là đối tượng chịu thuế lợi tức theo Luật Thuế lợi tức và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam.

2b. Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài: Số lợi tức còn lại của các chủ đầu tư nước ngoài, (kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) sau khi đã nộp thuế lợi tức, khi chuyển ra nước ngoài (đối với trường hợp hoạt động chuyển nhượng phát sinh tại Việt Nam) hoặc giữ lại ngoài Việt Nam (đối với trường hợp hoạt động chuyển nhượng phát sinh ngoài Việt Nam) phải nộp thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

II- CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ THUẾ XUẤT

1. Thuế lợi tức;

1.1- Lợi tức tính thuế từ việc chuyển nhượng vốn được xác định như sau:

Lợi tức Giá trị ban đầu của Chi phí

tính thuế = chuyển nhượng - phần vốn - chuyển nhượng

chuyển nhượng

Trong đó:

+ Giá trị chuyển nhượng được xác định là tổng giá trị thực tế mà bên chuyển nhượng thu được theo hợp đồng chuyển nhượng. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá trị thanh toán hoặc giá trị thanh toán không được xác định theo nguyên tắc giao dịch mua bán song phẳng giữa bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng, cơ quan thuế có quyền kiểm tra và ấn định giá trị thanh toán của hợp đồng trên cơ sở tham khảo giá cả thị trường và các hợp đồng chuyển nhượng tương tự trong các doanh nghiệp tại Việt Nam.

+ Giá trị ban đầu của phần vốn chuyển nhượng được xác định trên cơ sở sổ sách, chứng từ kế toán về vốn góp của chủ đầu tư đã được Hội đồng quản trị xí nghiệp hoặc các bên tham gia hợp doanh công nhận phù hợp với luật pháp hiện hành của Việt Nam.

Trường hợp các chủ đầu tư sau tiếp tục chuyển nhượng lại phần vốn góp của chủ đầu tư trước thì giá trị ban đầu của phần vốn đem chuyển nhượng từng lần sau đó được xác định bằng giá trị chuyển nhượng của hợp đồng chuyển nhượng ngay trước đó cộng với giá trị thực tế phần vốn góp bổ sung thêm (nếu có) xác định theo nguyên tắc nêu tại khoản này.

+ Chi phí chuyển nhượng là các khoản chi thực tế liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng, theo chứng từ gốc được cơ quan thuế công nhận. Trường hợp chi phí chuyển nhượng phát sinh ở nước ngoài thì các chứng từ gốc đó phải được một cơ quan công chứng hoặc kiểm toán độc lập của nước có chi phí phát sinh xác nhận.

Chi phí chuyển nhượng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế bởi các khoản chi phí sau: Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng; các khoản phí và lệ phí phải nộp khi làm thủ tục chuyển nhượng; các chi phí giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng chuyển nhượng... có chứng từ chứng minh.

1.2- Thuế suất thuế lợi tức: